

NGHIÊN CỨU VỀ CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ĐỖ THANH LOAN* - PHẠM MAI KHÁNH**

Tóm tắt: Từ vựng được coi là yếu tố quan trọng trong việc học tiếng Anh. Việc thiếu kiến thức từ vựng của người học có thể dẫn đến khó khăn khi học ngôn ngữ này, đặc biệt đối với sinh viên ngành Kỹ thuật, những người có thể gặp trở ngại như số lượng các thuật ngữ chuyên ngành lớn có định nghĩa phức tạp và ít được sử dụng trong giao tiếp thông thường. Hơn nữa, việc học tập chủ yếu dựa trên lý thuyết dẫn đến khả năng hiểu và sử dụng từ vựng chính xác còn hạn chế. Trong nghiên cứu này, sau khi điều tra những chiến lược học từ vựng của sinh viên khối ngành Kỹ thuật tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, chúng tôi đã đề xuất một số khuyến nghị cho các nhà giáo dục và những người phát triển chương trình giảng dạy nhằm cải thiện việc học từ vựng của sinh viên, tăng khả năng thành thạo về ngôn ngữ cũng như sự thành công trong học tập.

Từ khóa: Từ vựng, chiến lược học từ vựng, sinh viên khối ngành Kỹ thuật.

Abstract: Vocabulary has been considered crucial factor to English learning. Insufficient vocabulary knowledge of the learners may lead to challenges in learning this language, especially for Engineering students who can face with several obstacles such as a large number of technical terms with complex definitions that are rarely used in everyday communication. Moreover, the heavy focus on theoretical learning results in limited capacity for accurate vocabulary comprehension and application. Therefore, this study aims to investigate the vocabulary learning strategies used by undergraduate Engineering

students at Hanoi University of Industry and propose some recommendations for educators and curriculum developers to improve vocabulary learning among Engineering students, ultimately facilitating their language proficiency and academic success in their field.

Keywords: Vocabulary, vocabulary learning strategies, Engineering students.

1. Đặt vấn đề

Từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ. Bên cạnh ngữ pháp thì từ vựng là kiến thức nền tảng giúp người học thực hiện và làm chủ được các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Theo Renandya và Richards [5], nếu người học không có đủ vốn từ vựng thì họ sẽ gặp khó khăn trong việc giao tiếp và thể hiện cảm xúc một cách hiệu quả trong cả văn nói và văn viết. Theo Thornbury [8], không có ngữ pháp thì người học có thể khó truyền đạt được ý kiến của họ, nhưng nếu không có từ vựng thì họ không thể truyền đạt được bất cứ nội dung gì. Ngoài ra, người học thường gặp phải một số vấn đề như: khó khăn trong việc phát âm hay sử dụng từ chính xác (Caster [2]).

* ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: loandt@hau.edu.vn

** ThS - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: khanhpm@hau.edu.vn

Ở bậc đại học, việc học từ vựng là một thách thức đối với sinh viên nói chung và sinh viên khối ngành Kỹ thuật nói riêng. Điều này là do sinh viên chưa tìm được phương pháp học từ vựng hợp lý để nhớ từ, nghĩa của từ, loại từ cũng như áp dụng từ để diễn đạt đúng ngữ cảnh. Đây cũng là mối trăn trở cho các nhà giáo dục trong việc tìm ra giải pháp giúp sinh viên học từ vựng hiệu quả hơn. Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả tìm hiểu những chiến lược học từ vựng mà sinh viên khối ngành kỹ thuật của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thường sử dụng và đề xuất một số giải pháp cải thiện vốn từ vựng để nâng cao khả năng ngôn ngữ của sinh viên.

2. Khái niệm và tầm quan trọng của từ vựng

2.1. Khái niệm

Học từ vựng đóng vai trò then chốt trong việc chinh phục ngôn ngữ mới. Từ vựng có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Burns và Broman [1] cho rằng, từ vựng là tập hợp các từ được sử dụng bởi một cá nhân, nhóm xã hội hoặc chuyên gia. Việc tiếp thu từ vựng là một yếu tố cốt lõi trong việc học một ngôn ngữ.

Theo Renandya và Richards [5], từ vựng là thành phần cốt lõi của khả năng sử dụng ngôn ngữ và là cơ sở để người học nói, nghe, đọc và viết. Nếu không có vốn từ vựng phong phú và các chiến lược học từ vựng mới, người học thường không thể phát huy tiềm năng của mình và có thể nản lòng khi tận dụng các cơ hội học ngôn ngữ xung quanh như nghe đài, nghe người bản xứ, sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh khác nhau, đọc sách báo hoặc xem truyền hình.

Từ các định nghĩa trên, có thể thấy rằng từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt ý tưởng và diễn đạt ý nghĩ của người nói. Do đó, việc nắm vững từ vựng là một yếu tố không thể thiếu trong quá trình học tập và giao tiếp ngôn ngữ.

2.2. Tầm quan trọng của từ vựng

Schmitt nhấn mạnh rằng: “kiến thức từ vựng là trung tâm của năng lực giao tiếp và việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai” [7, tr.55]. Cùng quan điểm trên, Nation [4] khẳng định rằng, kiến thức từ vựng và việc sử dụng ngôn ngữ có mối quan hệ bổ sung và tương trợ nhau, trong đó kiến thức từ vựng đầy đủ cho phép sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, ngược lại, việc sử dụng ngôn ngữ thường xuyên giúp nâng cao kiến thức từ vựng.

3. Các khó khăn trong việc học từ vựng

Trong cuốn *How to teach Vocabulary* [8], Thornbury đã đưa ra một số yếu tố làm cho một số từ trở nên khó hơn.

3.1. Phát âm

Những từ khó phát âm sẽ khó học hơn các từ khác. Những từ có khả năng khó thường là những từ có âm thanh lạ với một số nhóm người học, như từ *regular* và *lorry* đối với người Nhật. Trong khi đó, nhiều người học lại thấy khó học các từ có cụm phụ âm như *strength*, *crisps* hay *breakfast*.

3.2. Chính tả

Sự không khớp giữa âm thanh và chữ viết có thể là nguyên nhân gây ra lỗi, hoặc là lỗi phát âm hoặc là lỗi chính tả, có thể góp phần làm tăng độ khó của từ. Trong khi hầu hết chữ viết tiếng Anh khá tuân thủ các quy tắc chính tả thì có một số không tuân thủ rõ rệt. Những từ có chứa các âm câm (silent letters) đặc biệt gây khó khăn: *foreign*, *listen*, *headache*, *climbing*, *honest*,...

3.3. Độ dài và độ phức tạp

Việc học từ dài không khó hơn học từ ngắn. Tuy nhiên, như một nguyên tắc thường được áp dụng, những từ có tần suất sử dụng cao thường có xu hướng ngắn gọn, do đó người học có thể gặp các từ này thường xuyên hơn. Bên cạnh đó, sự thay đổi về trọng âm trong các từ đa âm tiết - như các từ *necessary*, *necessity* và *necessarily* - cũng có

thể làm tăng độ khó của từ.

3.4. Ngữ pháp

Cấu trúc khác biệt cũng cản trở việc học từ vựng. Một động từ như *enjoy* hoặc *love* được theo sau bởi một động từ nguyên thể như *to swim* hay dạng đuôi *-ing* như *swimming* có thể làm tăng độ khó của từ đó. Cụm động từ cũng gây khó khăn đối với người học vì một số cụm có thể tách biệt như *she looked the word up* nhưng một số khác thì không như *she looked after the children*.

3.5. Nghĩa

Hai từ cùng nghĩa dễ gây nhầm lẫn cho người học. *Make* và *do* là một ví dụ điển hình, ví dụ: *you make breakfast* và *make an appointment*, nhưng *you do the housework* và *do a questionnaire*. Những từ đa nghĩa, như *since* và *still* cũng gây khó khăn cho người học.

3.6. Phạm vi, ý nghĩa và thành ngữ

Từ đa nghĩa giúp người học dễ ghi nhớ và sử dụng hơn từ đồng nghĩa ít ngữ cảnh. Ví dụ, *put* là một động từ có phạm vi sử dụng rộng hơn so với *impose*, *place*, *position*. Tương tự, sử dụng *thin* sẽ an toàn hơn so với các từ *skinny*, *slim*, *slender*.

Sự không chắc chắn về ý nghĩa của một số từ cũng có thể gây khó khăn cho người học. Chẳng hạn từ *propaganda* (tuyên truyền) có ý nghĩa tiêu cực trong tiếng Anh, nhưng từ tương đương của nó có thể chỉ đơn giản nghĩa là *publicity* (công khai).

Những từ hoặc cách diễn đạt là thành ngữ (như *make up your mind*, *keep an eye on*,...) sẽ khó hơn những từ có ý nghĩa rõ ràng (như *decide*, *watch*).

4. Các chiến lược học từ vựng

Trong việc học từ vựng, người học cần có chiến lược hợp lý để có thể tiếp thu và sử dụng được các từ mới trong các ngữ cảnh nhất định. Chiến lược học từ vựng đã được nghiên cứu bởi nhiều tác giả, trong đó phải kể đến Gu và Johnson [3] và Schmitt [6].

Theo Gu và Johnson [3], chiến lược học từ vựng bao gồm ba phần: niềm tin vào việc học từ vựng, chiến lược siêu nhận thức và chiến lược nhận thức.

Trong khi đó, Schmitt [6] lại phân loại các chiến lược học từ vựng thành hai nhóm: chiến lược khám phá và chiến lược củng cố. Chiến lược khám phá giúp người học tìm hiểu nghĩa của từ mới và cách học từ mới với hai chiến lược nhỏ: chiến lược xác định và chiến lược xã hội. Chiến lược củng cố giúp người học duy trì, củng cố và ghi nhớ từ vựng đã học bằng bốn chiến lược nhỏ: chiến lược xã hội, chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức và chiến lược siêu nhận thức.

Trong các khái niệm nêu trên, khái niệm của Schmitt [6] mang tính tổng quát và toàn diện hơn. Vì vậy, nhóm tác giả sử dụng quan điểm đó làm căn cứ để thực hiện nghiên cứu này.

5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để xác định những chiến lược học từ vựng tiếng Anh và mức độ sử dụng các chiến lược này của sinh viên (SV) khối ngành Kỹ thuật tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cũng như các giải pháp để nâng cao hiệu quả học từ vựng của SV, nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi sau:

- (1) Mức độ sử dụng các chiến lược học từ vựng của SV khối ngành Kỹ thuật như thế nào?
- (2) Làm thế nào để nâng cao hiệu quả học từ vựng của SV khối ngành Kỹ thuật?

5.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu định lượng và định tính, trong đó dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi. Nội dung bảng hỏi được nhóm tác giả tham khảo và chỉnh sửa từ Bảng khảo sát của tác giả Schmitt [6] để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Bảng hỏi gồm hai phần: Phần 1 thu thập thông tin cá nhân của SV. Phần 2 đưa ra câu

hỏi về mức độ sử dụng các chiến lược học từ vựng. Bảng khảo sát sử dụng giá trị trung bình (GTTB) để sắp xếp mức độ sử dụng các chiến lược học từ vựng và được đo theo thang điểm Likert 5 điểm.

Để lấy ý kiến sâu hơn, nhóm tác giả phỏng vấn hai nhóm: SV và giảng viên (GV). Đối với SV, chúng tôi phỏng vấn 25 SV khá, giỏi (được lựa chọn dựa vào kết quả học tập) với Bảng hỏi bao gồm hai câu hỏi tìm hiểu về *các chiến lược học từ vựng hiệu quả mà họ thường sử dụng và gợi ý để nâng cao hiệu quả học từ vựng*. Đối với GV, nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn với Bảng hỏi bao gồm ba câu hỏi liên quan tới: *vai trò của GV trong việc dạy từ vựng cho SV, các chiến lược học từ vựng cho SV, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả trong việc học từ vựng của SV*.

5.3. Đối tượng khảo sát

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 250 SV không chuyên tiếng Anh đang học các ngành: Công nghệ thông tin, Cơ khí, Ô tô, Điện - Điện tử, Hóa, May và Thiết kế thời trang tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Bên cạnh đó, 20 GV dạy tiếng Anh cho các ngành Kỹ thuật trên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được mời tham gia phỏng vấn. Các GV này có kinh nghiệm trên 5 năm trong giảng dạy tiếng Anh không chuyên. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng phỏng vấn 25 SV có điểm trung bình chung (TBC) khá, giỏi. Thời gian khảo sát và phỏng vấn được thực hiện vào cuối học kỳ hai năm học 2022-2023.

5.4. Thu thập dữ liệu

Nhóm nghiên cứu gửi bảng khảo sát tới SV sau khi có kết quả học tập tiếng Anh của năm học 2022-2023. 100% phiếu trả lời được thu về để phân tích dữ liệu. Đối với nhóm GV và SV cần phỏng vấn, dữ liệu được thu thập qua hình thức phỏng vấn trực tiếp.

6. Kết quả và thảo luận

6.1. Kết quả khảo sát đối với sinh viên

6.1.1. Thông tin cá nhân của sinh viên

Bảng 1. Thông tin cá nhân của sinh viên

TT	Thông tin cá nhân		Số lượng	Tỉ lệ %
1	Khối ngành	Công nghệ thông tin (CNTT)	60	24
		Ô tô	35	14
		Cơ khí	35	14
		Điện - Điện tử	60	24
		Hóa	30	12
		May và Thiết kế thời trang (TKTT)	30	12
2	Kiến thức từ vựng (SV tự đánh giá)	Xuất sắc	0	0
		Giỏi	14	5,6
		Khá	53	21,2
		Trung bình	156	62,4
		Kém	27	10,8
3	Điểm TBC môn tiếng Anh năm học 2022-2023	A (8,5-10)	2	0,8
		B (7,0-8,4)	23	9,2
		C (5,5-6,9)	118	47,2
		D (4,0-5,4)	92	36,8
		F (≤ 4)	15	6

Theo kết quả trong Bảng 1, SV khối ngành CNTT và Điện - Điện tử tham gia nhiều nhất (24%), các ngành còn lại bao gồm Cơ khí, Ô tô, Hóa, May và TKTT chiếm 12-14%. Phần lớn SV tự đánh giá kiến thức từ vựng của bản thân là trung bình (62,4%), 21,2% tự đánh giá là khá, 10,8% tự nhận là kém, trong khi đó chỉ có 5,6% SV tự đánh giá là giỏi và không có SV nào tự nhận là xuất sắc. Đối với điểm TBC tiếng Anh kỳ gần nhất, 84% SV đạt mức điểm C và D (4-6,9), 10% SV đạt A và B (7-10), 6% SV không qua môn ở mức F (≤ 4).

6.1.2. Quan điểm của sinh viên về mức độ sử dụng các chiến lược học từ vựng

Đối với nhóm Chiến lược khám phá, chiến lược được SV sử dụng nhiều nhất là *Sử dụng từ điển song ngữ* (GTTB=3.5, với 85,2% SV thường xuyên sử dụng và luôn sử dụng) và *Đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh văn bản*

Bảng 2. Quan điểm của sinh viên về mức độ sử dụng các chiến lược học từ vựng

TT	Các chiến lược học từ vựng	Giá trị trung bình (GTTB)	Không sử dụng (0)	Hiếm khi sử dụng (1)	Thỉnh thoảng sử dụng (2)	Thường xuyên sử dụng (3)	Luôn sử dụng (4)
I	Chiến lược khám phá						
1	Sử dụng từ điển song ngữ	3.5	0%	6,8%	8%	14%	71,2%
2	Đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh	3.1	0,8%	6,4%	12,8%	42%	38%
3	Nhờ bạn cùng lớp dịch	2.5	2,8%	15,6%	27,6%	39,6%	14,4%
4	Phân tích từ loại trong câu	2.5	2,4%	10,4%	34,4%	44%	8,8%
5	Phân tích hình ảnh có sẵn	2.5	2%	8,8%	39,2%	40%	10%
6	Sử dụng từ điển đơn ngữ	2.2	10,8%	12,8%	30,4%	37,6%	8,4%
7	Nhờ giáo viên cung cấp câu chứa từ mới	1.9	18,4%	16,8%	27,2%	32%	5,6%
8	Nhờ giáo viên cung cấp từ đồng nghĩa của từ mới	1.8	18%	20,8%	29,6%	29,2%	2,4%
9	Nhờ giáo viên dịch sang ngôn ngữ mẹ đẻ	1.8	20,4%	14,4%	36,4%	25,6%	3,2%
10	Phân tích các phụ tố và gốc	1.7	21,2%	12%	44,8%	22%	0%
II	Chiến lược củng cố						
11	Xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh	3.3	0%	6%	8,4%	38,8%	46,8%
12	Nghe bài hát tiếng Anh	3.3	0%	2,4%	14%	38%	45,6%
13	Truy cập trang web tiếng Anh	3.3	0%	0,8%	16%	32,8%	50,4%
14	Nghiên cứu âm thanh của từ	3.2	0%	6%	21,2%	20%	52,8%
15	Ghi chép trong lớp	3.0	0,8%	6,4%	14,8%	49,2%	28,8%
16	Nghiên cứu cách đánh vần của từ	2.8	0%	6,8%	17,6%	62,8%	12,8%
17	Sử dụng sự lặp lại bằng văn bản	2.8	0%	10%	24,4%	43,2%	22,4%
18	Nói to từ mới khi học	2.7	1,2%	5,6%	32,4%	40,8%	20%
19	Sử dụng sự lặp lại bằng lời nói	2.7	0%	12,8%	26,4%	40,4%	20,4%
20	Kết nối từ với các từ đồng nghĩa và trái nghĩa của nó	2.7	2%	8%	30,8%	39,2%	20%
21	Tương tác với người bản xứ	2.7	1,2%	8,8%	31,2%	40%	18,8%
22	Ghi nhớ từ loại của từ	2.7	1,6%	7,6%	33,6%	38,4%	18,8%
23	Trò chuyện trên mạng bằng tiếng Anh	2.5	2,4%	12,8%	35,6%	32,2%	16%
24	Sử dụng từ mới trong câu	2.5	0%	14%	36%	39,2%	10,8%
25	Nghiên cứu danh sách từ	2.2	2%	22,4%	32,4%	37,2%	6%
26	Sử dụng hành động thể chất khi học từ	2.1	0,4%	20%	54,4%	18,8%	6,4%
27	Đọc báo tiếng Anh	1.8	16%	22,4%	32,8%	24%	4,8%
28	Nhóm các từ với nhau để nghiên cứu	1.8	1,6%	36,8%	47,2%	13,6%	0,8%
29	Xem và nghe tin tức tiếng Anh	1.7	18%	20%	37,2%	20,8%	4%
30	Giữ sổ tay từ vựng	1.6	10,8%	37,2%	41,2%	6%	4,8%
31	Đọc tiểu thuyết hoặc tạp chí tiếng Anh	1.4	22,8%	44,4%	9,6%	20,8%	2,4%
32	Gắn nhãn tiếng Anh trên đồ vật	1.3	31,2%	25,2%	28%	14,4%	1,2%
33	Chơi trò chơi xếp chữ	1.2	21,6%	49,2%	21,6%	4,8%	2,8%

(GTTB=3.1, với 80% SV thường xuyên sử dụng và luôn sử dụng). Điều này là hoàn toàn dễ hiểu vì với SV, việc sử dụng từ điển song

ngữ hay dự đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh văn bản giúp họ học từ vựng hiệu quả, phát triển khả năng tư duy và hiểu văn bản một cách

nhanh chóng. Chiến lược SV sử dụng ít nhất là *Phân tích phụ tố và gốc* (GTTB=1.7, với chỉ 22% SV thường xuyên sử dụng). Việc phân tích phụ tố và gốc đòi hỏi sự suy nghĩ và phân tích kỹ lưỡng nên người học thường cảm thấy khó khăn và không hứng thú khi thực hiện chiến lược này.

Đối với nhóm Chiến lược củng cố, *Xem phim và chương trình truyền hình tiếng Anh*, *Nghe bài hát tiếng Anh* và *Truy cập trang web tiếng Anh* là các chiến lược được SV sử dụng nhiều nhất (cùng GTTB=3.3). Ba chiến lược SV sử dụng ít nhất là *Xem và nghe tin tức tiếng Anh* (GTTB=1.7), *Giữ sổ tay từ vựng* (GTTB=1.6) và *Đọc tiểu thuyết hoặc tạp chí tiếng Anh* (GTTB=1.4). Kết quả trên cho thấy, SV thích áp dụng các chiến lược mang tính giải trí, dễ tiếp cận và dễ tiếp nhận như xem phim, nghe nhạc, lướt web và không thường áp dụng các hình thức học đòi hỏi sự tư duy như nghe tin tức, đọc tiểu thuyết, tạp chí.

6.2. Kết quả phỏng vấn sinh viên

Khi được hỏi ý kiến về các chiến lược học từ vựng hiệu quả, các SV đưa ra một số chiến lược được sử dụng nhiều nhất, trong đó: (1) *Sử dụng từ điển song ngữ* (100%), (2) *Nghe bài hát tiếng Anh* (92%), (3) *Dự đoán nghĩa trên ngữ cảnh văn bản* (84%), (4) *Truy cập trang web bằng tiếng Anh* (80%).

Về gợi ý nâng cao hiệu quả trong việc học từ vựng của SV, nhóm tác giả đã nhóm thành một số ý kiến có cùng quan điểm như sau:

93% SV tham gia phỏng vấn đồng quan điểm trong việc GV nên *giới thiệu và hướng dẫn các chiến lược học từ vựng cho SV trước khóa học* nhằm giúp SV xác định được phương pháp học từ vựng phù hợp như: học từ vựng qua ngữ cảnh, qua hình ảnh, âm thanh, qua trò chơi,... Những SV này cũng cho rằng GV nên *tích hợp dạy từ vựng vào bài giảng*, giúp SV ghi nhớ một cách tự nhiên và luyện tập hiệu quả hơn.

Có 84% SV gợi ý sử dụng các ứng dụng học từ vựng giúp học từ vựng hiệu quả và thú vị hơn.

Ngoài ra, việc *tham gia câu lạc bộ tiếng Anh* cũng được đa số SV (80%) đề cập tới vì đây là một cách tuyệt vời để SV luyện tập từ vựng và giao tiếp bằng tiếng Anh một cách thường xuyên với người bản ngữ cũng như các bạn trong câu lạc bộ.

6.3. Kết quả phỏng vấn giáo viên

Trả lời cho câu hỏi liên quan tới vai trò của GV trong việc dạy từ vựng, tất cả những người tham gia phỏng vấn đều khẳng định *vai trò quan trọng của GV trong việc phát triển vốn từ vựng tiếng Anh cho SV*. Họ cho rằng, GV là người hướng dẫn và hỗ trợ SV học và thực hành sử dụng từ vựng.

Đối với câu hỏi về việc *giới thiệu các chiến lược học từ vựng cho SV*, 100% GV đều khẳng định có giới thiệu các chiến lược học từ vựng và cho SV thực hành trong các buổi học. Họ đưa ra khá nhiều chiến lược học từ vựng: *Học từ vựng theo ngữ cảnh* để phát triển khả năng tư duy logic, *Sử dụng từ điển đơn ngữ* ở các trang web đáng tin cậy để biết chính xác về phiên âm và cách phát âm, *Đọc thêm các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh trên các trang mạng* nhằm mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành. Với tinh thần “học mà chơi, chơi mà học”, các GV gợi ý chiến lược *Học từ vựng qua các bài hát tiếng Anh và xem phim có phụ đề tiếng Anh* giúp SV vừa giải trí vừa luyện tập từ vựng tiếng Anh một cách hiệu quả.

Bàn về gợi ý nâng cao hiệu quả trong việc học từ vựng của SV, các GV đưa ra một số giải pháp sau: (1) Giúp SV xác định đúng mục tiêu của việc học từ vựng; (2) Thiết kế bài giảng hợp lý nhằm lồng ghép việc dạy từ vựng một cách sáng tạo; (3) Khuyến khích SV luyện tập từ vựng thường xuyên để ghi nhớ từ vựng lâu dài hơn; (4) Tạo cơ hội giao

tiếp tiếng Anh cho SV như: tăng cường luyện tập trên lớp, tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh và các hoạt động ngoại khóa có sự hỗ trợ của các tình nguyện viên nước ngoài.

7. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng

Từ việc phân tích dữ liệu khảo sát của SV và kết quả phỏng vấn giáo viên và sinh viên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng của người học như sau:

- Xác định đúng mục tiêu của việc học từ vựng

GV cần giúp SV nhận thức được tầm quan trọng của việc học từ vựng cũng như xác định đúng mục tiêu của việc học từ vựng. Từ đó, SV có thể xây dựng được kế hoạch học tập hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và khả năng của bản thân. Việc xác định được mục tiêu học từ vựng giúp SV tập trung vào những từ quan trọng, cần thiết cho mục tiêu học tập của mình.

- Giới thiệu và hướng dẫn các chiến lược học từ vựng

Việc lựa chọn và giới thiệu các chiến lược học từ vựng phù hợp với trình độ của SV giúp tăng hiệu quả học tập, tạo hứng thú học tập và phát triển các kỹ năng học tập như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề. Chiến lược *Sử dụng từ điển đơn ngữ* ở các trang web đáng tin cậy như Oxford Languages, Cambridge Dictionary,... phù hợp với SV khá, giỏi. Trong khi đó, *Sử dụng từ điển song ngữ* lại phù hợp hơn với đối tượng SV trung bình vì từ điển này cung cấp nghĩa của từ bằng tiếng mẹ đẻ giúp SV dễ dàng hiểu nghĩa của từ.

GV cũng cần yêu cầu SV *Học từ vựng theo ngữ cảnh* như đoán nghĩa của từ, đặt câu chứa từ trong ngữ cảnh cụ thể nhằm phát triển khả năng tư duy logic của người học; khuyến khích SV *Đọc thêm các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh trên các trang mạng* nhằm mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành và áp dụng chiến lược *Học từ vựng qua các bài*

hát tiếng Anh và xem phim có phụ đề tiếng Anh giúp SV vừa giải trí vừa luyện tập từ vựng một cách hiệu quả.

- Tích hợp dạy từ vựng vào bài giảng

Thiết kế bài giảng hợp lý nhằm lồng ghép việc dạy từ vựng một cách sáng tạo, để SV áp dụng các chiến lược học từ vựng hiệu quả và thường xuyên. GV có thể giới thiệu từ vựng trong ngữ cảnh cụ thể, sử dụng các hoạt động thực hành như trò chơi từ vựng, hoạt động nhóm, sử dụng các phương pháp học từ vựng sáng tạo như mindmap, flashcard,...

- Lựa chọn giáo trình phù hợp

Giáo trình là công cụ quan trọng trong việc hỗ trợ SV học từ vựng một cách hiệu quả và có hệ thống. Giáo trình phù hợp sẽ cung cấp cho SV những từ vựng cần thiết phù hợp với mục tiêu học tập, giúp phát triển khả năng suy luận và tư duy. Khi lựa chọn giáo trình cần lưu ý một số yếu tố như mục tiêu học tập, trình độ SV và nhu cầu sử dụng.

- Tạo môi trường giao tiếp cho sinh viên

Bên cạnh việc thực hành giao tiếp trên lớp với GV và bạn học, SV cần có nhiều cơ hội để trải nghiệm tiếp xúc thực tế với ngôn ngữ đích và giao tiếp trực tiếp với người bản ngữ. GV cần khích lệ SV tích cực tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh và các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường có các lưu học sinh, chuyên gia nước ngoài để tăng cường giao tiếp cải thiện vốn từ vựng.

- Sử dụng các ứng dụng phần mềm học từ vựng

Trong thời đại công nghệ phát triển hiện nay, yếu tố công nghệ cũng đóng vai trò không nhỏ trong việc học từ vựng của SV. Các phần mềm học từ vựng thường sử dụng các phương pháp học tập khoa học như lặp lại, suy luận ngữ cảnh, phân tích từ gốc,... Các ứng dụng phần mềm học từ vựng phổ biến và được đánh giá cao hiện nay gồm: *Duolingo, Memrise, Quizlet, WordUp* hay *Anki*. ⇒ Xem tiếp trang 252